

## **Vai trò của nhà nước trong can thiệp và phòng ngừa buôn bán trẻ em**

**Đặng Bích Thủy**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Buôn bán trẻ em là sự vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em. Trẻ em là nạn nhân của buôn bán người phải chịu những hậu quả tồi tệ về sức khỏe thể chất và tinh thần, phải đối phó với các khó khăn về tâm lý xã hội, cả trước mắt và lâu dài. Theo tác giả, để ngăn chặn và phòng ngừa buôn bán trẻ em cần có sự tham gia của nhiều bên liên quan, bởi đây là hiện tượng xã hội rất phức tạp. Tuy nhiên, nhà nước cần giữ vai trò chính yếu cả trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, chính sách, chương trình bảo vệ trẻ em cũng như trong việc hợp tác quốc tế, phối hợp với các bên liên quan trong can thiệp và phòng ngừa buôn bán trẻ em.

**Từ khóa:** Nhà nước; Trẻ em; Quyền trẻ em; Buôn bán người;

### **1. Mở đầu**

Theo đánh giá của một số nghiên cứu (IOM, 2012; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNICEF, 2011), tình trạng buôn bán trẻ em (BBTE) ở Việt Nam hiện nay đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng. Báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNICEF (2011) cho biết cả trẻ em trai và trẻ em gái đều có nguy cơ bị buôn bán trong nước và

xuyên biên giới nhằm mục đích tình dục. Nghiên cứu của Tổ chức Di cư Quốc tế vào năm 2012 tại 12 tỉnh và thành phố Việt Nam về buôn bán trẻ em nam cũng đưa ra những bằng chứng rằng các em bị buôn bán ở trong nước và nước ngoài nhằm mục đích bóc lột lao động, bóc lột tình dục cho mục đích thương mại và nhận làm con nuôi (IOM, 2012). Báo cáo hợp tác giữa Đại sứ quán Anh tại Việt Nam và tổ chức CEOP (Child Exploitation and Online Protection Online), được công bố vào năm 2011, cung cấp thông tin rằng 20% trẻ em bị buôn bán sang Anh là người Việt Nam (58 trẻ em trong tổng số 287 vụ). Những trẻ em này bị buôn bán sang Anh để trồng cần sa (British Embassy Hanoi & CEOP, 2011).

## **2. Vai trò của nhà nước trong can thiệp và phòng ngừa buôn bán trẻ em**

Điều 35 của Công ước quốc tế về Quyền Trẻ em quy định: Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp ở các cấp quốc gia, song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì hay dưới bất kỳ hình thức nào (Công ước Quốc tế Quyền Trẻ em, có thể truy cập trên trang [www.unicef.org](http://www.unicef.org)). Trên quan điểm tiếp cận quyền, các học giả đã nhấn mạnh đến vai trò chính yếu của nhà nước trong can thiệp và phòng ngừa buôn bán trẻ em, bao gồm xây dựng hệ thống pháp luật và chính sách để thể chế hóa việc thực hiện quyền bảo vệ trẻ em khỏi bị buôn bán; xây dựng các chính sách, chương trình bảo vệ trẻ em khỏi bị buôn bán; hỗ trợ gia đình và cộng đồng trong việc phòng chống buôn bán trẻ em; hỗ trợ nạn nhân là trẻ em bị buôn bán v.v.

### **2.1. Vai trò của nhà nước trong lĩnh vực luật pháp về phòng chống buôn bán trẻ em**

Theo quan điểm tiếp cận quyền đối với BBTE, nhà nước là bên liên quan chính chịu trách nhiệm bảo vệ trẻ em khỏi mọi nguy cơ bị buôn bán bởi trước hết đó là nghĩa vụ mang tính pháp lý của mọi quốc gia đã tham gia phê chuẩn Công ước Quyền Trẻ em, đặc biệt là nghĩa vụ phải hình sự hóa các hành vi BBTE trong hệ thống luật pháp của các quốc gia, bao gồm cả những trường hợp phạm tội chưa đạt, trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm và tổ chức hoặc chỉ đạo người khác thực hiện hành vi BBTE (Haddadin & Klimova, 2013; Dottridge, 2004; UNODC, 2012).

Kể từ khi tham gia phê chuẩn Công ước quốc tế Quyền Trẻ em vào năm 1990, Nhà nước Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc luật hóa và thể chế hóa các quyền cơ bản của trẻ em, bao gồm quyền trẻ em được bảo vệ khỏi các hành vi và nguy cơ bị buôn bán. Mặc dù còn những điểm chưa hoàn thiện trong hệ thống văn bản quy phạm luật liên quan đến BBTE và có sự chênh lệch so với các quy định mang tính pháp lý quốc tế

về BBTE (ví dụ sự chênh lệch về quy định độ tuổi trẻ em), Việt Nam đã xây dựng được cơ sở pháp lý quan trọng về BBTE để trừng trị và can thiệp vào nạn BBTE. Cụ thể, trong Bộ luật Hình sự 2009 chưa có những quy định cụ thể về các chuỗi hành vi cụ thể liên quan đến BBTE, mà mới quy định về tội danh mua bán người và mua bán trẻ em (tại Điều 119 và 120). Tuy nhiên, gần đây, Bộ luật Hình sự 2015 đã có những quy định cụ thể hơn về BBTE tại Điều 151, với những sự điều chỉnh đáng kể và cụ thể về các hành vi, thủ đoạn và mục đích cấu thành tội phạm BBTE theo sát các văn kiện quốc tế. Bộ luật Hình sự 2015 cũng quy định những hình phạt nghiêm khắc đối với tội mua bán trẻ em (Đặng Bích Thủy, 2016). Điều 28, Luật Trẻ em 2016 cũng quy định trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt (Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam, 2016).

Luật pháp Việt Nam cũng có những quy định về trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành trong phòng chống buôn bán người và đây là những cơ sở pháp lý để quy định trách nhiệm của các cơ quan này trong ngăn chặn và phòng ngừa BBTE. Chẳng hạn, chương VI của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định cụ thể về nhiệm vụ của từng bộ, ngành trong đó Bộ Công an chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người (Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam, 2012). Luật Trẻ em 2016 cũng có những quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các gia đình đối với thực hiện quyền trẻ em, từ Điều 80 đến Điều 102 (Xem Luật Trẻ em, Luật số 102/2016/QH13). Những điều khoản này mặc dù không đề cập cụ thể các trách nhiệm về phòng ngừa BBTE, mà thay vào đó là các điều khoản quy định trách nhiệm của các bên liên quan trong đảm bảo thực hiện quyền trẻ em nói chung, nhưng đó là cơ sở pháp lý quan trọng để các bên liên quan thực hiện các trách nhiệm đối với việc ngăn chặn và phòng ngừa BBTE.

## **2.2. Vai trò của nhà nước trong xây dựng chính sách, chương trình can thiệp, phòng ngừa buôn bán trẻ em**

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống luật pháp để xử lý và đối phó với nạn BBTE, nhà nước cũng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân, giảm thiểu các nguy cơ BBTE. Haddadin & Klimova (2013) cho rằng những cơ quan thuộc chính phủ phải chịu trách nhiệm chính trong đảm bảo sự sẵn có của hệ thống chính sách hỗ trợ trẻ em là nạn nhân như: bảo vệ khẩn cấp, hỗ trợ pháp lý, cung cấp chỗ ở tạm thời. Nhà nước cũng có một số nghĩa vụ liên quan đến sự trở về của nạn nhân bị buôn bán theo chuẩn của luật pháp quốc tế. Luật quốc tế ủng hộ

tiêu chuẩn “trở về an toàn và tốt nhất là tự nguyện” đối với những người bị buôn bán, và đối với trẻ em thì Công ước quốc tế về Quyền Trẻ em đã quy định “đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ em”, hay như các nguyên tắc “không ức chế” (không cưỡng ép) khi nước xuất xứ không thể cung cấp sự bảo vệ chống lại sự trả thù hoặc bị tái buôn bán trở lại bởi các nhóm tội phạm. Trong trường hợp việc trở lại sẽ gây ra những rủi ro không thể chấp nhận cho nạn nhân và/hoặc gia đình của nạn nhân, nhà nước có thể được yêu cầu cung cấp lựa chọn thay thế cho việc hồi hương. Những điều này đòi hỏi phải có những chính sách và quy định cụ thể về các phương án hỗ trợ.

Ngoài ra, các chính phủ cũng cần quan tâm đến việc xây dựng hệ thống chính sách ngăn ngừa các nguy cơ trẻ em bị buôn bán, bao gồm cả các chính sách giảm nghèo và tăng cường phúc lợi cho trẻ em, bởi nghèo đói là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến BBTE (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNICEF, 2011). Mặc dù một số trẻ em bị ép buộc, bắt cóc, bị buôn bán, thậm chí là đầu độc để bắt buộc phải làm trong ngành thương mại tình dục, nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy ngày càng có nhiều trẻ em bước chân vào ngành này như một giải pháp để thoát nghèo (UNICEF, 2010).

Trong nghiên cứu về buôn bán trẻ em trai của Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM, 2012), phỏng vấn 82 trường hợp nạn nhân là trẻ em trai cho thấy các yếu tố chính thúc đẩy trẻ em trai vào quá trình di cư và làm tăng nguy cơ các em bị buôn bán bao gồm: nhu cầu kiếm thêm thu nhập và thiếu cơ hội việc làm ở địa phương, thiếu cơ hội học tập và thiếu hỗ trợ từ gia đình. Hầu hết các em trai bị mua bán cho mục đích bóc lột lao động và tình dục thường bị dụ dỗ bằng việc hứa hẹn sẽ có công việc tốt và lương cao. Như vậy, để giảm thiểu các nguy cơ BBTE từ các nguyên nhân mang tính cấu trúc này thì vai trò của nhà nước trong việc đưa ra các chính sách ứng phó với các nguyên nhân này là hết sức quan trọng, đặc biệt là các chính sách tăng cường phúc lợi và an sinh cho trẻ em.

Nhà nước cũng cần quan tâm tới các chính sách hỗ trợ nạn nhân để đảm bảo các em không bị buôn bán trở lại. Năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg về Quy chế tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Đây là bước tiến quan trọng của Việt Nam trong nỗ lực can thiệp và hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán là phụ nữ và trẻ em. Văn bản này có những quy định về trình tự, thủ tục, chế độ chính sách, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng đối với phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về (Xem Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg ngày 17/01/2007). Tiếp đó, trong Chương trình hành

động phòng chống tội phạm mua bán người 2011- 2015, Chính phủ Việt Nam cũng đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện đề án “Tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về” (Đề án 3, do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì). Mặc dù đề án này có nguồn kinh phí hạn chế và mức độ hỗ trợ nạn nhân còn khiêm tốn, nhưng mục tiêu của đề án đã thể hiện trách nhiệm và nỗ lực của Chính phủ trong việc trợ giúp cho các nạn nhân là trẻ em bị buôn bán (Xem Nước CHXHCN Việt Nam, Quyết định số 1427/QĐ-TTg, ngày 18/8/2011).

### **2.3. Nhà nước hỗ trợ gia đình và cộng đồng bảo vệ trẻ em khỏi bị buôn bán**

Một trách nhiệm quan trọng khác của các chính phủ trong việc thực hiện quyền bảo vệ trẻ em được quy định trong Công ước quốc tế là phải hỗ trợ và hướng dẫn các gia đình và cộng đồng thực hiện quyền trẻ em, trong đó có các quyền liên quan đến bảo vệ trẻ em khỏi bị buôn bán. Nhà nước bảo vệ các quyền của trẻ em, cả môi trường trong và ngoài gia đình, bằng cách tăng cường sự hỗ trợ đối với gia đình và cộng đồng thực hiện các quyền bảo vệ trẻ em (Happer, Jones và Tincati, 2010; Woodhouse, 1999).

Nhà nước cần tăng cường năng lực cho các gia đình và cộng đồng trong bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ bị buôn bán thông qua tuyên truyền, nâng cao nhận thức của gia đình và cộng đồng về BBTE. Nếu cha mẹ không có nhận thức về các nguy cơ buôn bán trẻ em thì họ rất khó bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ buôn bán. Nghiên cứu của Tổ chức Di cư Quốc tế tại Việt Nam vào năm 2012 đã chỉ ra rằng, khi thấy các gia đình khó khăn về kinh tế, những kẻ buôn bán người có thể tạm ứng một số tiền mà gia đình cần đến kèm với những lời hứa hẹn về cơ hội việc làm. Gia đình của các em thường tin tưởng vào những người môi giới khi họ đến tuyển dụng, bởi những người này thường là những người địa phương hoặc họ hàng, ngoài ra, cha mẹ các nạn nhân cũng không coi việc tạm ứng tiền là một phần trong quá trình buôn bán người (IOM, 2012).

Việt Nam cũng đã xây dựng một số chương trình hành động quốc gia liên quan đến nâng cao nhận thức về BBTE. Ví dụ như Chương trình hành động quốc gia về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, giai đoạn 2004-2010 (theo quyết định số 130/2004/QĐ-TTg). Tuy chương trình này chú trọng vào phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới, nhưng những hoạt động tuyên truyền phòng ngừa buôn bán phụ nữ và trẻ em thuộc chương trình có tác động tích cực tới việc giảm nguy cơ trẻ em bị buôn bán trong cộng đồng. Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011- 2015 (Quyết định số 1427/QĐ-TTg) mặc dù cũng không có những đề án hoặc hoạt động dành riêng cho nội

dung về BBTE, nhưng cũng có các mục tiêu về nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vấn đề mua bán người. Điều này có tác động nhất định tới việc cải thiện nhận thức của các gia đình về phòng chống BBTE.

#### **2.4. Nhà nước có trách nhiệm hợp tác quốc tế và phối hợp với các bên liên quan trong phòng chống buôn bán trẻ em**

BBTE là một hiện tượng xã hội phức tạp, xuất phát từ nhiều nguyên nhân mang tính cấu trúc đan xen nhau và vượt ra ngoài phạm vi biên giới của mỗi quốc gia, trong khi trẻ em lại thuộc nhóm đối tượng non nớt và cần phải có sự bảo vệ, chăm sóc đặc biệt. Do vậy, để đối phó với nạn BBTE, cần có sự hợp tác quốc tế và sự phối hợp tham gia của nhiều bên, với cả hệ thống bảo vệ trẻ em đa dạng và mang tính liên tục. Nhà nước đóng vai trò chính yếu trong điều phối các hoạt động hợp tác và phối hợp này.

Theo UNODC (2012), các quốc gia thành viên phải tiến hành nhiều biện pháp tương trợ lẫn nhau nhằm tạo thuận lợi cho quá trình điều tra, truy tố và dẫn độ tội phạm BBTE. Các quốc gia thành viên của Nghị định thư cũng có trách nhiệm phối hợp với nhau để tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các thỏa thuận đa phương, khu vực và song phương về việc phòng ngừa, phát hiện, điều tra, truy tố và xử phạt những kẻ phải chịu trách nhiệm trong các vụ mua bán trẻ em.

Theo Dottridge (2004), BBTE là một hiện tượng xã hội phức tạp và có nguyên nhân kinh tế - xã hội đa dạng, thuộc nhiều cấp độ khác nhau. Thêm vào đó, BBTE cũng mang những đặc thù khác với buôn bán người lớn, do vậy, không thể có một cơ quan nào có thể giải quyết tệ nạn này một cách độc lập và theo cách riêng của mình, đặc biệt là khi trẻ đang bị buôn bán qua biên giới giữa hai nước hoặc qua nhiều quốc gia. Can thiệp và xử lý các vụ việc cũng cần phải có sự phối hợp tham gia của các cơ quan chính phủ, tổ chức xã hội dân sự liên quan khác nhau, ví dụ, cảnh sát, cán bộ đại diện cho cơ quan bảo vệ trẻ em, những người làm công tác tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, tư vấn hình sự, v.v.

Chính phủ Việt Nam đã có những hợp tác quốc tế tích cực trong phòng ngừa buôn bán người, trong đó có vấn đề BBTE. Sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống buôn bán người thể hiện rõ nhất ở các hợp tác song phương với các quốc gia láng giềng như Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan về ngăn chặn và kiểm soát nạn buôn người xuyên biên giới. Các hiệp ước song phương này bao gồm các thỏa thuận hợp tác trong công tác xác định nạn nhân, trao đổi thông tin, công tác điều tra các vụ việc, giải cứu và đưa nạn nhân trở về. Việt Nam cũng tham gia ký kết các biên bản

ghi nhớ khu vực với Campuchia, Trung Quốc, Lào, Myanmar, Thái Lan - là một phần của sáng kiến cấp bộ trưởng ở vùng sông Mekong chống lại nạn buôn người (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNICEF, 2011).

Tại một số tỉnh được coi là điểm nóng về buôn bán người ở Việt Nam, trong đó có BBTE, chính quyền tỉnh đã thực hiện sự phối hợp liên ngành ở tỉnh và hợp tác quốc tế. Hợp dưới đây là ví dụ mô phỏng về sự phối hợp giữa các bên tham gia phòng chống buôn bán người và BBTE, bao gồm cả các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán ở tỉnh An Giang.

### **2.5. Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ**

Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ là một hướng đi hiệu quả đối với các cơ quan thuộc chính phủ trong ngăn chặn và phòng ngừa BBTE cũng như hỗ trợ các nạn nhân trẻ em bị buôn bán. Theo Tzvetkova (2002), các tổ chức phi chính phủ thực hiện rất nhiều các hoạt động trong chuỗi các hoạt động phòng chống buôn bán người, từ các hoạt động phòng ngừa (thông qua truyền thông, tập huấn), tới việc xác định nạn nhân và hỗ trợ họ, bao gồm cả tư vấn tâm lý và pháp lý. Các tổ chức phi chính phủ cũng là những tổ chức có khả năng kết nối và hợp tác với hầu hết các bên tham gia trong quá trình phòng chống buôn bán người. Các nạn nhân cả ở nơi xuất phát và nơi đến đều có thể tìm kiếm sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và thông thường thì các nạn nhân thấy thoải mái và tự tin hơn khi chia sẻ thông tin với các cán bộ các tổ chức phi chính phủ hơn là đối với các nhân viên của chính phủ. Tzvetkova cũng nhấn mạnh rằng các tổ chức phi chính phủ thường nhận về mình những thách thức trong các hoạt động phòng chống buôn bán người, hoặc họ chủ động thực hiện những công việc mà chính phủ không làm được.

Cùng quan điểm với Tzvetkova về vai trò quan trọng của các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực phòng chống buôn bán người, Hoff (2011) nhấn mạnh rằng, các tổ chức phi chính phủ thực hiện những hoạt động mà có thể những tổ chức chính phủ không làm được. Các tổ chức phi chính phủ cũng là những tổ chức đi đầu trong việc tổ chức các chiến dịch phòng chống buôn bán người, vận động những người/cơ quan/tổ chức có vai trò trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách và luật pháp phòng chống buôn bán người.

Ở Việt Nam, trong những năm qua, Chính phủ cũng đã quan tâm phối hợp với các tổ chức phi chính phủ trong can thiệp và phòng ngừa BBTE, đặc biệt là trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng ngừa BBTE cũng như các hoạt động hỗ trợ nạn nhân trở về. Trong công tác này, Việt Nam đã chú trọng sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ trong việc

thực hiện các mô hình phòng ngừa buôn bán người và BBTE. Chẳng hạn, Việt Nam đã có sự hợp tác với các tổ chức ActionAid Việt Nam, Quỹ Trẻ em Rồng Xanh (Blue Dragon), Trung tâm Nghiên cứu Sức khỏe Gia đình và Cộng đồng (CEFACOM), ChildFund, Tổ chức Hagar Việt Nam... với những dự án về nâng cao nhận thức phòng ngừa BBTE, xây dựng các mô hình bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ bị buôn bán ở cộng đồng, cung cấp các khóa tập huấn kỹ năng và cơ hội việc làm cho phụ nữ và nữ vị thành niên có nguy cơ bị buôn bán, v.v.

### 3. Lời kết

Như vậy, với tư cách là chủ thể chính chịu trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, nhà nước đóng vai trò quan trọng và chính yếu trong can thiệp và phòng ngừa BBTE. Vai trò quan trọng và chính yếu của nhà nước trước hết thể hiện ở trách nhiệm luật hóa và hình sự hóa các hành vi BBTE trong hệ thống luật pháp của quốc gia để trừng trị và răn đe kẻ BBTE. Bên cạnh đó, nhà nước cũng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình phòng ngừa BBTE và hướng dẫn, hỗ trợ các gia đình nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em khỏi mọi nguy cơ bị buôn bán, đồng thời trợ giúp pháp lý và hỗ trợ nạn nhân trẻ em bị buôn bán. Nhà nước cũng có chức năng quan trọng đối với việc tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp với các bên liên quan để cùng hợp lực đối phó và ngăn ngừa BBTE.

Trong những năm qua Nhà nước Việt Nam đã thể chế hóa, luật hóa nhiều quy định liên quan đến phòng chống buôn bán người và BBTE. Nhà nước Việt Nam cũng đã tích cực hợp tác quốc tế và điều phối các cơ quan ban ngành và phối hợp với các tổ chức xã hội, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ, trong phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân trẻ em bị buôn bán. Điều này thể hiện sự nghiêm túc của Nhà nước Việt Nam trong thực thi các quy định quốc tế và đảm bảo thực hiện các trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, bao gồm quyền bảo vệ trẻ em khỏi mọi nguy cơ bị buôn bán. ■

#### Tài liệu trích dẫn

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNICEF. 2011. Phân tích về bóc lột tình dục trẻ em vì mục đích thương mại tại một số tỉnh, thành phố của Việt Nam. Hà Nội.
- British Embassy Hanoi & CEOP. 2011. The Trafficking of Women and Children from Viet Nam. Hanoi.
- Đặng Bích Thủy. 2016. “Khái niệm buôn bán trẻ em trong các văn bản pháp lý và công trình nghiên cứu”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 4 (Q26),



tr. 39-50.

- Dottridge M. 2004. *Kids as Commodities? Child Trafficking and What to do about it*. International Federation Terre des Hommes.
- Haddadin Y. & Klimova A. 2013. “Human Rights- based Approach to Trafficking”. The Work of the United Nation Office of the High Commissioner for Human rights. Volume 52. No 1. *The Judge’ Journal*. The American Bar Association, USA.
- Happer C., Jones N. and Tincati C. 2010. *Opportunities and challenges in promoting policy and practice-relevant knowledge on child rights*. Working paper 318. ODI. London.
- Hoff S. 2011. *The Role of NGO in Combating Human Trafficking and Supporting (presumed) Trafficked Persons*. The Netherlands.
- IOM. 2012. *Nghiên cứu về mua bán trẻ em trai tại Việt Nam*. Hà Nội.
- Liên hợp quốc. *Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em*. Bản tiếng Việt. Truy cập ngày 20/11/2013, từ [www.unicef.org](http://www.unicef.org).
- Nước CHXHCN Việt Nam, Quyết định số 1427/QĐ-TTg, ngày 18/8/2011, *Phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011 - 2015*
- Nước CHXHCN Việt Nam, Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg về Quy chế tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về.
- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam. 2012. *Luật phòng chống mua bán người*. Luật số 66/2011/QH12.
- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam. 2016. *Luật trẻ em*. Luật số 102/2016/QH13.
- Tzvetkova M. 2002. NGO Response to Trafficking in Women. *Gender and Development*. Vol.10, No.1, March 2002.
- UNICEF. 2010. *Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam*.
- UNICEF. 2011. *Báo cáo Phân tích tình hình trẻ em An Giang*. Hà Nội.
- UNODC. 2012. *Báo cáo phân tích và khuyến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam để tăng cường đấu tranh với tội phạm Xâm hại tình dục trẻ em trong Du lịch*. Hà Nội.
- Woodhouse B. 1999. A Delicate Balance: The Role of Government in Protecting Children’s Rights within the Family. *A Keynote Address for an International Conference on Children’s Rights*. Tokyo, Japan. November 1999.